

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao (công suất 2.400 lợn nái, 40 lợn đực và 16.000 lợn thịt/năm) tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 27/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 68/CV-LS ngày 12/12/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 22/Tr-STNMT ngày 12/01/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao (công suất 2.400 lợn nái, 40 lợn đực và 16.000 lợn thịt/năm) của Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao
(công suất 2.400 lợn nái, 40 lợn đực và 16.000 lợn thịt/năm) tại xã Lương
Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư
nông nghiệp công nghệ cao Lương Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao (công suất 2.400 lợn nái, 40 lợn đực và 16.000 lợn thịt/năm) thực hiện tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- + Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư NN công nghệ cao Lương Sơn.
- + Đại diện: ông Trần Quang Trung - Chức vụ: Giám đốc
- + Điện thoại: 0919 914 368
- + Địa chỉ liên lạc: số 08 đường Quảng Xá, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

** Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:*

- Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng: Tổng diện tích khoảng 182.790,0m². Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của dự án: Đất xây dựng chuồng nuôi các công trình phục vụ dự án là: 54.063,0m²; Đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác và khu cây xanh cách ly: 128.727,0 m²;

- Quy mô thực hiện dự án:

- + Công suất 2.400 lợn nái, 40 lợn đực và 16.000 lợn thịt/năm
- + Các hạng mục xây dựng gồm: San nền tạo mặt bằng xây dựng các công trình; Hệ thống đường giao thông; Hệ thống cấp nước và phòng cháy chữa cháy; Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải; Hệ thống cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc; xây dựng khu chuồng nuôi; nhà cách ly và các công trình phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính của dự án

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 1,5m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 1,5m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 6,4 m³/ngày nguồn nước này chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại: Theo tính toán nồng độ bụi, khí thải tác động trong phạm vi khu đất dự án và dọc tuyến đường vận chuyển.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 30,0kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: Thực vật phát quang khoảng 27,4tấn; Đất bóc phong hóa, đất đào thừa có tổng khối lượng là 27.812,7 m³; Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ...khoảng 466,5tấn.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng phát sinh trong thi công khoảng 24,0 kg.

+ Chất thải lỏng nguy hại khoảng 456,2lít/tổng thời gian thi công chủ yếu là dầu máy.

* Giai đoạn vận hành:

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tại trang trại: Lượng nước thải sinh hoạt: 4,0m³/ngày đêm; trong đó, nước tắm giặt: 1,6m³/ngày đêm; nước thải nhà bếp: 1,2m³/ngày đêm; nước thải vệ sinh: 1,2m³/ngày đêm;

- Nước thải chăn nuôi: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ chuồng nuôi (khi dự án đi vào hoạt động ổn định) lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 492,2 m³/ngày. đêm (Bao gồm nước tiểu của lợn, nước tách phân, nước vệ sinh chuồng nuôi và một phần theo phân thải...). Nước thải trên có chứa thành phần: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải, mùi hôi: Mùi hôi từ chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; Khí thải phát sinh từ hầm biogas; Mùi, khí thải từ quá trình chứa và ủ phân; Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải và hồ thu phân; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Khí thải có thành phần chủ yếu là CO, NO_x, SO₂; NH₃; H₂S;...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: 40,0kg/ngày;

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Bao bì vỏ đựng thức ăn chăn nuôi, vỏ bao bì, chai lọ đựng hóa chất, thuốc thú y phát sinh hàng ngày khoảng 50,0kg/ngày;

+ Lượng phân lợn: Khối lượng phân khô sau máy tách phân khoảng: 10.969,5kg/ngày;

+ Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: 51,1m³/năm;

+ Lợn ốm chết: Phát sinh khoảng 80 con/năm

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại gồm: Bóng đèn neon bị vỡ, hỏng, bơm kim tiêm, vỏ thuốc, chất tẩy rửa... Khối lượng ước tính khoảng 10kg/tháng;

Chất thải lỏng nguy hại: Khối lượng dầu thải thay định kỳ (một năm thay 02 lần) ước khoảng 15 lít/lần

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

* Giai đoạn xây dựng

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:* Xây dựng tường bao chắn tách nước mưa chảy tràn từ đồi cao xuống khu vực trang trại; xây dựng tường bao chắn chống sạt lở đất từ khu vực dự án xuống khe, đất canh tác của nhân dân xung quanh khu vực dự án. Thường xuyên nạo vét khơi thông cống rãnh để tránh ngập úng và ách tắc dòng chảy tại khu vực dự án với tần suất 03 tháng/lần; Thi công theo hình thức cuốn chiều để giảm thiểu xảy ra hiện tượng ngập cục bộ cũng như đất cát cuốn theo nước mưa vào nguồn tiếp nhận; Nhà thầu thi công phải thu dọn các chất rơi vãi trong khi san lấp, đào móng hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa, tạo các tuyến mương thoát nước tạm để hướng dòng thoát nước mưa chảy tràn trong trường hợp có mưa lớn qua khu vực dự án.

* *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước từ tắm rửa, giặt giũ có nồng độ các chất ô nhiễm không cao nên được thu gom vào rãnh thoát và thải trực tiếp vào khe cạn phía Tây dự án.

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh có hàm lượng BOD₅, COD, N, P cao. Do đó, để xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh của công nhân Công ty xây dựng 01 Nhà vệ sinh truyền thống để thu gom và xử lý nước thải cho công nhân.

* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

Được thu gom bằng rãnh thu gom tạm thời định hướng dòng chảy về hố lắng có thể tích 6m³ để lắng cặn trước khi thải ra khe cạn phía Tây dự án.

3.2. Về bụi, khí thải:

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp lao động, phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án, nguồn nước được lấy từ nước giếng khoan trong khu vực dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; Các xe vận chuyển vật liệu được che chắn, phủ kín bạt.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

* *Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

- Chủ đầu tư trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 20 lít tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với Tổ môi trường địa phương thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

* *Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Đối với đất đào được sử dụng để san nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch,... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trũng; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

* Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do đất đá thải từ quá trình bóc phong hóa, đào móng thi công các hạng mục công trình.

* *Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật.*

Để giảm thiểu ô nhiễm do sinh khối thực vật phát quang, trong đó: thân và cành cây keo có thể xuất bán cho nhà máy chế biến gỗ công nghiệp trên địa bàn; đối với các cành, lá, rễ cây được thu gom và hợp đồng với tổ môi trường tại địa phương vận chuyển đưa đi xử lý;

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:

Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng được thu gom vào thùng chứa có thể tích 500 lít có nắp đậy, dán nhãn đặt tại góc của kho chứa; đối với các chất thải rắn nguy hại như giẻ lau dính dầu được thu gom vào thùng phi có nắp đậy; dung tích 100 lít lưu giữ tại kho chứa có diện tích khoảng 3m² gần khu vực lán trại. Toàn bộ lượng chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

*** Giai đoạn vận hành**

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:* Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống bê tông D300, D400; trên hệ thống thu gom bố trí các hố ga để lắng cặn vào hồ chứa trước khi thải ra môi trường; giải pháp thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

* *Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt gồm có nước thải từ quá trình tắm giặt và nước thải từ quá trình vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý như sau:

+ Đối với nước thải từ quá trình tắm, giặt được thu gom bằng các đường ống riêng sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

+ Đối với nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

+ Đối với nước từ nhà vệ sinh tại các khu nhà được thu gom và xử lý qua hệ thống các bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi:

Nước thải → Hố thu nước thải → Máy ép phân → Biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung (800m³/ng.đêm) → Hồ sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý kết hợp hồ sự cố → Một phần tưới cây và một phần tuần hoàn tái sử dụng

(nước sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B) sẽ thải ra môi trường trong trường hợp có mưa lớn).

Bảng tổng hợp chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên công trình	Số lượng	Thể tích xây dựng theo phương án đầu tư xây dựng (m ³)	Kết cấu công trình
1	Hồ thu nước thải	01	60	Xây gạch
2	Biogas 1	01	21.000	Phủ bạt, có lót đáy và thành kê đá hộc
3	Biogas 2	01	21.000	Phủ bạt, có lót đáy và thành kê đá hộc
4	Hệ thống XLNT tập trung	01	1.206 m ²	Đáy có lớp chống thấm, tường gạch chi đặc
5	Hồ sinh học 1, 2	02	3.960,0m ³ /hồ	Đáy có lớp chống thấm, tường gạch chi đặc
6	Hồ sinh học 3	01	8.736	Đáy có lớp chống thấm, tường gạch chi đặc
7	Hồ điều hòa kết hợp hồ sự cố	01	30.690	Đáy có lớp chống thấm, thành kê đá hộc

3.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với khí thải từ chuồng nuôi:

+ Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải tránh ứ đọng trong chuồng nuôi với tần suất 02 lần/ngày sau khi cho lợn ăn nhằm hạn chế tối đa mùi hôi thối phát sinh do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ.

+ Thường xuyên phun chế phẩm sinh học để khử mùi cho khu vực chuồng trại.

+ Bổ sung men vi sinh vào thức ăn chăn nuôi cho lợn để tăng hiệu quả trong quá trình tiêu hóa cũng như hấp thụ thức ăn giúp giảm mùi từ phân thải.

+ Mùi hôi sau các chuồng nuôi được xử lý bằng chế phẩm khử mùi phun trực tiếp sau các quạt hút đầy từ các chuồng nuôi ra môi trường.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu vực xử lý khí và khu vực đất còn trống của trang trại để tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi phát tán ra ngoài môi trường.

- Đối với khí sinh học: Trang trại đầu tư hệ thống thu gom khí thải sinh học và bộ lọc xử lý khí thải H₂S từ 02 hầm biogas. Trang bị máy phát điện với

công suất 100kVA; Công suất của máy phát điện dự phòng đảm bảo đủ công suất để sử dụng toàn bộ lượng khí thải từ hệ thống Biogas tại trang trại.

- Đối với khí thải từ khu xử lý chất thải: Phân sau ép được phun chế phẩm EM sau đó đóng bao và chuyển cho Nhà máy phân bón hữu cơ; Phun chế phẩm EM để khử mùi xung quanh nhà chứa phân, hệ thống xử nước thải; Hệ thống xử lý chất thải phải được xây dựng kiên cố và đủ công suất để xử lý; Định kỳ hút bùn cặn trong hầm Biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom vào 10 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng, có nắp đậy. Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, ... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn. Đối với các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

Đối với chất thải rắn trong hoạt động chăn nuôi: Đối với bao bì thức ăn được tận dụng làm bao chứa phân; Chai lọ đựng hóa chất khử trùng; thuốc thú y được thu gom về kho chứa sau đó trả lại cho Công ty cung cấp;

Đối với phân lợn: Được thu gom về bể thu và bơm lên máy tách để tách nước nhằm giảm thể tích khu chứa và ủ phân; Phân sau khi ép tách nước sẽ được phun chế phẩm sinh học EM đóng bao và được chuyển về kho chứa phân; Phân sau khi ủ tại kho chứa một phần được sử dụng để bón cho cây trồng trong trang trại; phần còn lại được xuất bán cho nhà máy phân bón trên địa bàn tỉnh;

Đối với lợn ốm chết: Trường hợp lợn ốm chết hoặc dịch bệnh xảy ra chủ trang trại báo ngay cho đơn vị cung cấp giống, cán bộ thú y và các ngành chức năng tại địa phương, các cấp các ngành có liên quan. Trang trại bố trí khu vực Nhà hủy xác để xử lý lợn dịch bệnh hoặc lợn chết;

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, tiêm phòng dịch bệnh, vỏ chai chứa thuốc tiêm phòng...) khoảng 5,0kg/tháng; được công nhân trong trang trại thu gom vào các thùng chứa đặt trong kho của trang trại. Công ty trang bị 02 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng (0,05 m³) để thu gom chất thải nguy hại theo từng chủng loại có dán nhãn mác đúng quy định đặt tại góc kho cơ khí có diện tích 3m². Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát:

- + KK1: Lấy mẫu tại khu vực lán trại thi công dự án;
- + KK2: Lấy mẫu tại khu vực thi công của khu vực dự án;
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD₅, COD, hàm lượng NO₃⁻; Tổng số Coliform.
- *Vị trí giám sát:* NT – Lấy mẫu tại cống thoát nước thải tại khu vực lán trại.
- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Các chỉ tiêu giám sát:* vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S, CH₄
- *Vị trí giám sát:*
- + KK1: Lấy mẫu sau khu vực xử lý khí thải của chuồng chăn nuôi lợn của dự án
- + KK2: Lấy mẫu tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD₅, COD, hàm lượng Nito tổng, hàm lượng photpho tổng, hàm lượng dầu mỡ, Tổng số Coliform, E. Coli và Salmonella.
- *Vị trí giám sát:* NT - Lấy nước tại hồ chứa nước sau xử lý của Trang trại.
- *Quy chuẩn áp dụng:*
- + QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (K_q = 0,9; K_f = 1,3, cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải chăn nuôi.

4.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Các chỉ tiêu giám sát:* vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S, CH₄

- *Vị trí giám sát:*

- + KK1: Lấy mẫu sau khu vực xử lý mùi của 01 chuồng nuôi lợn (đại diện).
- + KK2: Lấy mẫu tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD₅, COD, hàm lượng Nito tổng, hàm lượng photpho tổng, hàm lượng dầu mỡ, Tổng số Coliform, E. Coli và Salmonella.

- *Vị trí giám sát:*

- + NT1 – Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- + NT2 - Nước thải tại hồ chứa nước sau xử lý của Trang trại.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 62-MT: 2016/BTNMT ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$, cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải chăn nuôi./.